



Nét đặc sắc của truyện thơ Nôm Tày từ góc nhìn văn hóa tộc người

Dương Thu Hằng^{a*}, Mai Thúc Hiệp^b

^aTrường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

^bHọc viện Chính trị khu vực I

*Email: duongthuhang@dhsptm.edu.vn

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

15/02/2019

Ngày duyệt đăng:

10/3/2019

Từ khóa:

Nôm Tày; truyện thơ; văn hóa vật chất; văn hóa tinh thần.

Tóm tắt

Truyện thơ Nôm Tày là thành tựu về văn tự, văn học, văn hóa của người Tày, đồng thời là một trong những phương tiện biểu đạt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ước mơ, mơ ước về nghệ thuật của đồng bào dân tộc Tày. Thông qua truyện thơ Nôm các tác gia người Tày thể hiện sinh động văn hóa vật chất (nhà, đất ở, nhạc cụ) và văn hóa tinh thần (trời đất, tổ tiên - Mc Hoa) của đồng bào dân tộc Tày.

Truyện thơ Nôm Tày là thành tựu về văn tự, văn học, văn hóa của người Tày, đồng thời là một trong những phương tiện biểu đạt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, ước mơ, mơ ước về nghệ thuật của đồng bào dân tộc Tày. Trên thực tế, mỗi truyện thơ thường đề cập đến một số nét văn hóa tiêu biểu, trong đó nổi bật lên hai lớp văn hóa cơ bản là: Văn hóa vật chất và văn hóa tâm linh.

1. Lớp văn hóa vật chất trong truyện thơ Nôm Tày

1.1. Văn hóa nhà ở và đất ở

Đồng bào dân tộc Tày chủ yếu sinh sống ở ven sườn đồi, dưới chân núi hoặc những thung lũng nhỏ, xung quanh bao giờ cũng có rừng cây, suối nước, mỏ nước, khí hậu trong lành thuận tiện cho việc trồng trọt và chăn nuôi.

Theo sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Tày, kiến trúc về nhà ở cũng gắn với sự phát triển của tộc người Tày, ở thời kỳ truyện thơ Nôm Tày, đã xuất hiện kiểu nhà ngói. Thường thì nhà ngói của người Tày là ngói âm dương, xung quanh nhà có thể bưng bằng ván, bằng nứa hoặc bằng bùn trộn với rơm tùy thuộc vào gia chủ. Ngõ nhà ngói, bưng ván, rặng nầm gian là niềm mơ ước của nhiều gia đình Tày xưa, đó

cũng là niềm mơ ước về sự giàu sang phú quý của những gia đình trong truyện thơ Nôm Tày.

*Đêm ấy nằm nghe rên bốn phía
Thích giắc quan không nói chi nghìn
Tự nhiên mọc lên ngôi nhà ngói
Mười ngày thành mười ngôi nhà ngói
(Giàn mình nắn từ phương rạ ra
Lu thích quan mừng lu bầu giăng
Tự nhiên tàng pần ăn rườn gạo
..Síp vẫn pần síp ăn rườn gạo ..)*
(Từ Thư - Vãn Thủy)

Đồng bào dân tộc Tày cũng rất chú ý đến vấn đề chọn đất làm nhà ở. Điều đầu tiên là họ chọn những nơi gần ruộng nương, có nước. Họ cũng rất chú ý đến những việc kiêng kỵ như Tránh núi non, sông ngòi, móm núi có hình thù kỳ quái; chĩa thẳng vào nhà

*Đất này đất gian nan không vướng
Chọn chỗ nào thịnh vượng an cư
(Đin nấy đin gian nan bầu vướng
Chọn ti tấ tư thịnh vượng lương cư)*
(Từ Thư - Vãn Thủy)

Dưới con mắt của người Tày, vẻ đẹp hân hùng của núi non, những dáng hình núi sông, màu sắc, cảnh vật

xung quanh họ, đều trở thành những vật điểm tô cho cuộc sống. Con người sống giữa bao hình thể thiên nhiên quần tụ, gần gũi và thân thiết, bởi vậy mà khi lựa chọn một nơi để ổn định cuộc sống lâu dài, người Tây cũng xem xét về cũng kỹ lưỡng

*Nhìn núi non trong ngăn hoa lá
Ông bướm kéo "sà sa" tìm hoa
(Mùng khâu phlya đây vjỏi bầu boóc
Then, vì mà "sà sa" xa boóc)*

(Lượm)

Nếu như vật trang trí trong nhà của dân tộc Kinh thường có xu hướng treo những bức tranh tứ quý như "Long, Lỵ, Quy, Phượng" hay "Tùng, Cúc, Trúc, Mai" hoặc "Đào, Lan, Trúc, Cúc" thì với người Tây, trong nhiều truyền Nôm Tây cho thấy những con vật linh thiêng lâu nay vốn ở trên trời, "bỗng bị người dân lôi tuột xuống đất", làm những tên linh gác cho cuộc sống, như trong một số tác phẩm Sĩ, Lươn. Ví thế, những con vật linh thiêng bỗng trở nên nhỏ bé. Trong trang trí nhà ở của người Tây ta bắt gặp những hình ảnh "rồng non", "rồng bé", "phượng non", "chim én" thường được trang trí trên mái nhà, xả nhà, cửa sổ, cửa ra vào

*Nhà người vẽ mọi thứ khắp nơi
Cửa sổ có én ương tuyệt đẹp
(Rườn gần về đò thú mọi ti
Pác táng mi én ương đây lai)*

(Lượm)

Một số truyền thơ Nôm Tây còn khắc họa hình ảnh con vật cao quý được sử dụng trong việc trang trí các vật dụng thông thường. Điều này muốn nói lên rằng ý thức thẩm mỹ của nhân dân gần gũi với thực tiễn. Đó là thứ thẩm mỹ thiết thực, gần gũi, gần gũi với cuộc sống thường nhật của đồng bào dân tộc Tây

Bên cạnh đó trong trang trí nhà ở thể hiện rất rõ quan niệm thẩm mỹ người Tây còn được thể hiện ở bức màn trang trí. Thường thì, các gia đình người Tây hay treo những bức màn lớn, mỗi khi có sự kiện trong nhà trong gia đình như: đám cưới, mừng thọ, mừng đầy tháng hay những ngày lễ, tết. Bức màn treo của người Tây thường là những bức thò cảm, được dệt từ các hình thù, với màu sắc sặc sỡ

*Mây thên nên chữ nhieu biển hóa
Thên nên màn bức chường thàn lừng
(Sèo khêm vẫn đi sư biển hóa
Dặng vẫn màn hom tòa đuyền đò)*

(Khâm hải)

Như vậy, tộc người Tây của thời kỳ truyền thơ Nôm Tây đã say sưa với những sản phẩm mà họ tạo ra, đồng thời họ lý tưởng hóa về đẹp mộc mạc của những sản phẩm thô sơ ban đầu, họ kỳ diệu hóa những vật dụng tuy đơn sơ, nhưng có tác dụng thiết thực và phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của họ

1.2. Văn hóa vật nuôi

Chủ yếu sinh sống bằng nghề nông, nên trong sinh hoạt hàng ngày vật nuôi có mối quan hệ vô cùng mật thiết đối với đồng bào dân tộc Tây. Với quan niệm "Trâu bò thêm bầy ngựa đầy chuồng", các gia đình trong cộng đồng dân tộc Tây luôn chăm chú cho vật nuôi của mình. Vào những ngày đầu xuân, trong từng bản làng của đồng bào dân tộc Tây thường có một người, đi đến từng nhà sau khi đàn một manh giấy đỏ có in hình một con trâu hai bên có hai câu đối, họ hát những bài chèo tụng về việc làm ăn thịnh vượng trong năm mới như

*"Thà vật thà gà như sấm rền
Thà trâu thà bò như đất chuyển"*

Tình cảm yêu quý gần gũi với vật nuôi còn được đồng bào dân tộc Tây thể hiện qua những bài "mừng trâu", "mừng bò", "mừng ngựa", "mừng gà vịt"

*Nhất tôi mừng đàn ngựa lao xao
Tôi mừng đến con vịt lông vàng
Tôi mừng đến con ngỗng lông mốc
Nhất mừng đàn lợn đến dưới sân
Hai tôi mừng đàn lợn hoa dưới sân
Tôi xin mừng đàn vịt đôi vịt
Tôi mừng đến đàn gà hoa mơ*

(Thơ ca dân gian)

Trâu, bò, ngựa chính là vật nuôi gần gũi với người Tây xưa, trâu bò gần gũi với văn hóa nông nghiệp trồng lúa, ngô, còn ngựa vẫn chuyên người, hàng hóa ở địa hình đồi, núi

*Chốn hoa sơn nước biển non xanh
Bò ngựa đưa nhau chạy thành đoàn
Lật nhieu dân an nhân phong lưu
(Chốn hoa sơn cảnh tâm bài lớn
Má ma phóng phân vân pân đoàn
Lật phúc dân an nhà phong lưu)*

(Lượm Tân nguyên - Bế L'ân Phụng)

Sư đồng đúc, sinh sôi của những dân gia súc ấy đã nói lên nguyện vọng, ước mơ về một xã hội, một bản làng đồng đúc, sầm uất của người dân miền núi xa xưa nói chung và đồng bào dân tộc Tây nói riêng

Tất cả những điều đó đều được thể hiện rõ trong các truyện thơ Nôm Tây tiêu biểu như “*Khâm hải*”, “*Lượn Tam Nguyên*”, “*Từ Thư - I ân Thuyết*”, “*Thơ ca dân gian*”, “*Sĩ*”, “*Lượn*”.

1.3. Văn hóa nhạc cụ

Truyện thơ Nôm Tây là nơi khẳng định các loại hình văn nghệ dân gian trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Tây vô cùng phong phú và hấp dẫn. Gắn với những loại hình nghệ thuật đó, không thể thiếu các nhạc cụ.

Một trong những nhạc cụ truyền thống không thể thiếu đó là Tinh tâu hay còn gọi là đàn Tinh, đàn Then. Đây vốn là *nhạc cụ thiêng*, tên gọi của nó - *đàn Then* (Đàn tiên, đàn trời) cũng đã nói lên điều đó. Đàn Tinh, một loại nhạc cụ độc đáo của dân tộc Tây, có hộp đàn làm bằng quả bầu khô, to nhỏ không có kích thước nhất định. Thân đàn nam dài hơn thân đàn nữ một khoảng bằng chiều ngang hai bàn tay nắm, khoảng bảy nhăm phân (theo tập tục người Tây “*nhình chất, dài cầu*” (nghĩa là thân đàn của nam dài bằng chín nắm tay nối nhau, thân đàn nữ dài bằng bảy nắm tay nối nhau). Đàn tinh có âm thanh mượt mà và giầu chất trữ tình, không ồn ào náo nhiệt như các nhạc cụ khác. Song nó có sức hấp dẫn lạ thường khi chậm rãi ngân nga buồn bã như xói vào từng ngõ ngách của trái tim, khi khoan nhất như thu thì tâm tinh và người yêu những âm thanh sâu lắng dậm dậm dưới mái nhà sàn. Sau này, trong nghi lễ Then, đàn Tinh mới được sử dụng rộng rãi. Âm sắc của đàn Tinh Then nghe trầm ấm, nhẹ nhàng, như “*lời*” dịu dàng, an ủi người ốm yếu¹

¹Sư sách kể rằng, khi đã tạo được lực lượng khá hùng hậu ở địa phương, đến năm Mậu Ngọ (1618) cháu thối sống Hồng mất mùa, dân tinh ta lúc, Kinh Cung bên trái đả quân, để toán lực mưu chiến Thăng Long. Song sự không thành, bị tập đoàn Lê Trịnh ngoan cường chống lại, quân ta, tướng mất, bao trận lui về. Phần vì gửi đầu mưa nắng, cần mao phong hàn, phần trong hoàng tộc, tôn thất có nhiều chiến kiến bài bác, Kinh Cung bực bội chài chĩa, mắc bệnh trầm uất. Quan thầy y chữa không khỏi, bệnh càng ngày càng trầm trọng, lập đàn cúng tế ôn thần cũng không suy chuyển, cuối cùng triệu đình mời Tu Thiên Quan Nhạc - Bế Văn Phụng đến chữa (Tục truyền Bế Văn Phụng quê ở làng Bàn Văn, nay là xã Bế Triều, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng là người nổi tiếng học rộng, thông thiên văn, tướng địa lý, là giới thần thơ, biết nhạc và đã soạn ra nhiều điệu múa để huấn luyện cho một số “*nam thanh, nữ tử*” thời đó đi biểu diễn phục vụ các kỳ lễ hội ở một số địa phương. Ông được vua nhà Mạc vời vào cung và phong cho chức Tu Thiên Quan nhạc (cai quản về chiêm tinh và quản điệu nhạc trong cung đình).

Quan Nhạc thủ tổ căn bệnh của Vua, bên đũa một đời Then nữ đến mùa hát và cả những người biết chơi đàn Then vô phúc vụ. Trong đó có “*Tam Nguyên Hoàn*” vốn nổi danh Then chuyên chiêm tinh, đất luân Tam nguyên, nói vòng vo rồi tiếp cần vấn đó.

Thần này ai tế đả thần loan

Bỉ cực ắt tế tâu thần cò

Song hành với dân Tinh là Nhạc xóc. Nhạc xóc là một bộ nhạc rất đặc trưng của dân tộc Tây, nhạc xóc còn là biểu tượng cho ngựa của Then dùng trong cuộc hành trình lên Thiên đình. Nhạc xóc cũng đem cho hát và múa, lúc nhỏ nhẹ khoan thai, lúc dồn dập như vỗ ngựa phi nước đại. Trước khi vào lễ, nhạc xóc được “*chăm sóc*” cẩn thận, được tẩy rêu và gôm cho “*sạch sẽ*”, gọi là “*tắm ngựa*” Then.

2. Lớp văn hóa tâm linh

2.1. Quan niệm về trời đất

Theo quan niệm của người Tây, từ thuở sơ khai, khi trời và đất mới xuất hiện thì trời và đất rất gần nhau. Vì mỗi lần giã gạo vung chày lên còn chạm vào trời. Mương trời và mương người đi lại với nhau rất dễ dàng. Hình ảnh đoàn quân Then cùng các cá nhân Then xin cấp sắc lên mương trời cùng tiến Ngọc Hoàng để được công nhân đứ tư cách hành nghề Then hoặc nâng cấp bậc Then là một minh chứng cho điều đó.

Trời đất được phân làm ba cõi trên là trời, giữa là đất và dưới mặt đất là cõi âm. Ba cõi đó đều có người ở, giống nhau về hình dáng nhưng cách làm khác nhau. Sự khác nhau biểu hiện ở cách đeo dao. Người dưới mặt đất chỉ to bằng một cái lọ và đeo dao ở khoeo chân. Người ở mặt đất vì ở cõi giữa nên đeo dao ngang lưng. Người trên trời đeo dao trước trán vì họ ở trên cùng. Sự giải thích hồn nhiên lý thú đó, có lẽ xuất phát từ quan niệm con dao - một vật dụng quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong lao động của cộng đồng dân tộc Tây.

Sau này, trời được đẩy lên cao như ngày nay. Là do Pút tao ra muôn loài (trong quan niệm của cộng đồng người Tây, Pút là một người đàn bà, là dáng tối cao sáng tạo ra muôn loài. Tương đồng với quan niệm Ngọc Hoàng, Thượng đế của người Kinh). Nhưng sau khi Pút tao ra, chỉ được vài hôm muôn loài lại chết, mà Pút lại muốn cho muôn loài sống mãi. Một hôm, Pút nghĩ muốn cho muôn loài sống thì phải cho họ ăn. Nhưng đã ăn thì phải đi ngoài. Các loài đi ngoài làm ó

(Dịch: *Tuần này ai tế đả thần loan / Bỉ cực tận là hết thần cung*)

Bằng những lời Then triết lý và điều tình du dương, nơi về quy luật tuần hoàn, hết hạn đến mưa, ẩm tiêu dương tương, giáng thăng kế tiếp, bài hát Then tiếp thêm sinh khí cho nhà vua đứng vững nan chi, ngã lòng. Và những lời then mang tính chất phác họa ra một số biện pháp chữa dân, chữa hồn, gây thành thế, chờ thời cơ thuận lợi để tiếp tục gây dựng cơ đồ. Được lời trung ý, nỗi buồn của vua tiêu tan, khỏi bệnh. Thái diệu kỳ, lời Then Tây, điều tình trong truyện thơ Nôm Tây “*Tam Nguyên Hoàn*” chính là tác nhân khiến vua Mạc Kinh Cung khỏi bệnh. Sự kiện này xảy ra vào khoảng đầu năm Kỷ Sửu 1620. Qua đó có thể thấy rằng Then Tây trong cung đình ngoài lúc dung gập phần giai trí, mua vui còn có thể chữa được bệnh.

uế lên cả trời Pút ở trên trời không chịu được nữa, mới sai sứ giả xuống trần gia truyền câu thần chú linh nghiệm của mình Riêng loài người cầu thần chú Pút dần

"Ba ngày ăn cơm một bữa - chín ngày mới chài đần" (Slam văn giáng kin khẩu, câu văn giáng vi thua) nhưng sứ giả đã truyền sai rằng *"Ngày ba bận ăn cơm - chín bận chài đần"* (Văn slam pây kin khẩu, câu pây vi thua) Do vậy, mà loài người càng đi ngoài nhiều, trời đất càng ô uế Pút đã không chịu nổi nữa nên mới nâng trời lên cao như bây giờ và bắt sứ giả ngu ngốc ấy biến thành con bo hung, xuống trần gian suốt ngày phải đi vùi phân cho muôn loài Từ ngày Pút nâng trời lên cao, việc đi lại giữa hai vương vô cùng khó khăn

Cho đến bây giờ, loài người vẫn làm theo lời Pút dần từ xa xưa Quy luật cuộc sống của người Tây xưa và nếp sống ngày nay của đồng bào dân tộc Tây được giải thích một cách giản dị mà vô cùng lý thú Cùng với giai thoại trên, qua những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết, truyền thơ của người Tây, ta biết Pút tuy là đấng tối cao nhưng lại làm ăn sinh sống như những người bình thường trong cuộc sống thường nhật Pút sống rất gần gũi với mọi người thậm chí còn rất yêu thương con người, đặc biệt là những đứa trẻ mồ côi, những người khôn khéo, những nhân vật bất hạnh Chính sự giản dị, hồn nhiên, thành thiện và gần gũi đó khiến Pút xuất hiện trong những câu truyền thơ Nôm Tây mỗi cách dung dị, tự nhiên, đẹp dễ khác thường

Chấp tay lay các mẹ trên cung

Mẹ phán hoa thành chim

Mẹ phán hoa thành bông

Mẹ trông tã, trông địu

Mẹ trông chần, trông áo

(Then - Bắc cầu xin hoa)

2.2 Quan niệm về Mẹ Hoa

Người Tây quan niệm con người và muôn vật đều do một bà mẹ sinh ra, đó là mẹ Hoa Quan niệm này được ghi lại như sau

"Mẹ bươm bướm má, mẹ Hoa pân hải"

(Mẹ nư dành cho / Mẹ Hoa chửa trời)

Mẹ Hoa đi theo cuộc đời của mỗi con người và gần gũi với từng số phận Mẹ Hoa chăm sóc cho từng cuộc đời của mỗi con người và quyết định số phận từ khi chưa lọt lòng cho đến hết tuổi thanh xuân (khi đã lập gia đình) Chính vì vậy mỗi khi ốm đau, sống chết, mạnh khỏe đều tùy thuộc vào mẹ Hoa Trc ốm thì người Tây lại lo lắng chắc là mình đã làm gì đó mẹ

Hoa phát ý, mẹ Hoa giận Những cặp vợ chồng lấy nhau mà hiếm muộn về đường con cái hoặc không có con là do *"mẹ Hoa không chia con về"*; những cặp lấy nhau lấy nhau chỉ sinh con một bé là do *"mẹ Hoa không phân loại"* Và để cho mẹ Hoa hài lòng thì phải nhờ cây đến sự giúp đỡ của các cô hát Then (Pút) Vì thế mà mới có hình nghệ Then, cấp sắc trong Then Điều này trong *"Khâm hải"* miêu tả rất cụ thể Cho đến ngày nay, hình ảnh mẹ Hoa vẫn tồn tại trong đời sống tâm linh của đồng bào người Tây, bởi vậy, nhà nào có trẻ nhỏ cũng mời Then về làm lễ và có một hán thờ nho nhỏ, cắm hai cây hoa làm bằng giấy ở hai bên, có bát hương để thờ mẹ Hoa Với mong muốn mẹ Hoa tiếp tục che chở cho trẻ nhỏ đến khi trưởng thành Trong suốt quá trình đó, mẹ Hoa tiếp tục dạy trẻ biết khóc, biết cười, biết nói, biết đi và học hành giới giang, đỗ đạt

Từ quan niệm về mẹ Hoa, trong đời sống, tin tưởng tâm linh của người Tây nảy sinh ra những lễ lạt về Hoa, như "hôn hoa" (Khoan bjoóc), Hoa ở nương trời và hoa ở nương người, rồi lại có hoa tiên (hoa mọc trên vách đá) Chính bởi lẽ đó, mà mẹ Hoa vẫn sống mãi trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Tây từ thế hệ này qua thế hệ khác, truyền từ đời nay sang đời khác, cứ thế cho đến hôm nay và cả mai sau

2.3 Quan niệm về thế giới

Về cơ bản, trong truyền thơ Nôm Tây, thế giới luôn tồn tại trong ba thế giới trên nương trời, dưới mặt đất và giữa trần gian

Nét độc đáo trong quan niệm về thế giới của người Tây đó là sự tương hợp giữa Nương trời và Trần gian Thực chất trong vô số tác phẩm truyền thơ khi nói đến nương trời là nói về nương người ở trần gian Thứ gì ở nương người có thì nương trời cũng có, chỉ có điều ở nương người đã đẹp thì lên đến nương trời càng trở nên đẹp dễ hơn Người trần có thể tự do đi lại, xem, ngắm mọi thứ trên nương trời

Chèo lên chốn Phong Lưu, Phú Quý

Con Phạt xuống nơi chỗ hân hoan

Nâng tiền xuống xe loan dạo cảnh

Con Phạt gây đàn tình dây tơ

(Chèo khim khai Phong Lưu, Phú Quý)

Lúc lười lười ngắm tu ngân giang

Nâng tiền lẳng lẳng loan, hôn đình

Lúc lười lười tới tình sai sa

(Khâm hải)

Với trí tưởng tượng phong phú, với tình cảm tha thiết chân thực của người miền núi, dòng báo người Tây đã miêu tả thế giới trần gian lên nương trời rồi mở hòa nó đến mức lý tưởng. Qua đó, giúp chúng ta hiểu rằng bất cứ một hình thái tín ngưỡng hay tôn giáo nào suy cho cùng cũng đều là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú, niềm đam mê, lòng tin vô hạn của con người trước sức mạnh của tự nhiên.

Truyện thơ Nôm Tây cũng nhắc đến thế giới dưới mặt đất, thường hay xuất hiện trong truyện thơ Nôm Tây đó là có một giếng vật quý quai được gọi là chuông luồng. Theo quan niệm của người Tây chuông luồng là một giếng vật thiên biến vạn hóa, nguyên hình là một con rắn đen, khổng lồ, có cái miệng rộng màu đỏ và có cái mào đỏ chót như mào gà và to như cái quạt giấy. Chuông luồng thường biến thành những người con trai, con gái xinh đẹp lên trần gian và bắt lấy hồn người con trai, con gái trên trần gian. Khi hồn mất, thì người sẽ chết.

Hình tượng quai gờ của chuông luồng xuất hiện khá nhiều trong các tác phẩm truyện thơ với vai trò đại diện cho lực lượng của tự nhiên mà con người chưa lý giải, chế ngự được, hoặc là những lực lượng đáng sợ, đại diện cho cái ác, cái xấu.

3. Kết luận

Ra đời khi nền văn học viết đã phát triển, truyện thơ Nôm Tây được xem là sự tích hợp hoàn hảo giữa văn học truyền miệng và văn học thành văn. Các yếu tố của văn học dân gian Tây như thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyền thuyết, điển tích, điển cố và các loại hình văn học dân gian khác như Thần, Sli, Lươn được kết hợp nhuần nhuyễn tạo nên sức hấp dẫn riêng của truyện thơ Nôm Tây. Đặc biệt, nhiều giá trị văn hóa vật chất tộc người Tây như văn hóa nhà ở, đất ở, trang trí, kiến trúc, vật nuôi, nhạc cụ... được tái hiện cụ thể và sinh động.

Không chỉ là tác phẩm văn học, truyện thơ Nôm Tây còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa - văn nghệ vừa cổ truyền vừa hiện đại. Tuy đã có sự tiếp thu, giao

thoa, ảnh hưởng của nhiều tầng văn hóa như: Văn hóa Việt, văn hóa Hán nhưng yếu tố văn hóa Tây vẫn thể hiện vô cùng sâu đậm trong quan niệm về cuộc sống, về con người và thế giới vạn vật. Từ góc nhìn văn hóa tộc người, truyện thơ Nôm Tây là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa tinh thần đáng trân trọng của người Tây. Trong tác phẩm "Chữ Nôm Tây và truyện thơ" nhà nghiên cứu, sưu tầm văn hóa dân gian Hoàng Triều Ân đã khẳng định "*Ngày nay người Tây còn bảo tồn được những di sản văn hóa đầy trang như những "Truyện thơ Nôm Tây" dù biết chúng có giá trị đến chừng mực nào, mà người thuộc thế hệ hôm nay, mai sau cần cùng nhau nghiên cứu, khai thác bổ phân văn học ấy"* (Triều Ân, Nxb Văn học H2003 trang 101)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Duy Anh (1975), *Chữ Nôm - Nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến*, H, Nxb KHXH, *Phụ lục*. Chữ Nôm Tây.
- Triều Ân (2004), *Ba áng thơ nôm Tây và thể loại*, Nxb Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
- Hoàng Triều Ân (2008), *Lĩnh học Hán Nôm dân tộc Tây*, H, Nxb VHDT, 2008.
- Triều Ân (2011), *Ba truyện thơ Nôm Tây từ truyện Nôm khuyết danh Việt Nam*, Nxb VHHT.
- Triều Thị Kiều Dung (2014), *Sưu tầm và nghiên cứu giá trị các văn bản chữ Nôm Tây ở Cao Bằng*, đề tài NCKH cấp cơ sở, Sở KH&CN tỉnh Cao Bằng.
- Đỗ Hồng Kỳ (1997), *Những biểu hiện của tôn giáo tín ngưỡng trong truyện thơ Nôm Tây*, *Nùng*, Tạp chí Văn hóa dân gian.
- Luc Văn Páo (1992), *Lời dẫn trong cuốn Put Tây*, H, Nxb KHXH.
- Tổng tập truyện thơ Nôm của các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tập 16 *Truyện thơ Nôm Tây* (Trần Thu Hương, Hoàng Phương Mai), Nxb KHXH, 2014

The prominent features of Nom Tay narrative poems from the perspective of the tay's culture

Duong Thu Hang, Mai Thuc Hiep

Article info

Received:
15/02/2019
Accepted:
10/3/2019

Keywords:
Nom Tay; Narrative
poems; material culture;
spiritual culture.

Abstract

Nom Tay narrative poems are the achievements in scripts, literature and culture of the Tay, and are one of the means of expressing the Tay's thoughts, feelings, aspirations, dreams, aesthetic feelings of art. Through Nom narrative poems, Tay authors expressed vivid material culture (houses, land, musical instruments), and spiritual culture (heaven and earth, the ancestors - Mother) of the Tay.